

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ...../QĐ-CDYT ngày ...../...../ 2022  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế An Giang)*

<b>Tên ngành, nghề:</b>	<b>Hộ sinh</b>
<b>Mã ngành, nghề:</b>	<b>6720303</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Cao đẳng</b>
<b>Hình thức đào tạo:</b>	<b>Chính qui – hệ tín chỉ</b>
<b>Đối tượng tuyển sinh:</b>	<b>Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương</b>
<b>Thời gian đào tạo:</b>	<b>3 năm (6 học kỳ)</b>

### **1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

#### **1.1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo người hộ sinh trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề Hộ sinh ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương trình Hộ sinh cao đẳng nhằm đào tạo người Hộ sinh có khả năng cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe an toàn và hiệu quả cho phụ nữ và trẻ em dưới 5 tuổi. Được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và tâm huyết với nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp trong khuôn khổ quy định của luật pháp và các chính sách của Nhà nước, người Hộ sinh sẽ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em một cách toàn diện về thể chất, tâm, sinh lý và xã hội. Đồng thời, người Hộ sinh luôn có ý thức học hỏi, chủ động phát triển nghề nghiệp cho bản thân mình, đảm bảo thực hành chuyên môn an toàn, hiệu quả.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể:**

##### **1.2.1. Kiến thức:**

- Có kiến thức về cấu trúc và chức năng cơ thể con người, đặc biệt là về hệ thống sinh sản trong trạng thái bình thường và bệnh lý, những thay đổi về giải phẫu sinh lý của người phụ nữ trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đời và trẻ em dưới 5 tuổi.

- Có kiến thức về khoa học xã hội để chăm sóc bà mẹ và trẻ em phù hợp về văn hoá, xã hội và tâm sinh lý.

### 1.2.2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hợp tác với các nhân viên y tế khác, với bà mẹ, trẻ em và gia đình của họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

- Có kỹ năng đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em, thông qua việc sử dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề, tiếp cận hệ thống và tư duy tích cực khi thực hành nghề nghiệp, để đảm bảo chăm sóc sức khỏe và cuộc sống của phụ nữ và trẻ em.

- Thực hành dựa trên bằng chứng sẵn có tốt nhất, áp dụng các kiến thức và kỹ năng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, sử dụng các nguồn lực sẵn có để đảm bảo sự chăm sóc bà mẹ và trẻ em an toàn, hiệu quả, phù hợp với những quy định về năng lực và chức năng, nhiệm vụ của hộ sinh theo quy định của Bộ Y tế.

### 1.2.3. Thái độ:

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân nói chung, chăm sóc bà mẹ, trẻ em nói riêng.

- Có tinh thần tôn trọng, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp, bà mẹ, trẻ em và gia đình họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

- Trung thực, khách quan, luôn cố gắng học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Người có bằng tốt nghiệp ngành hộ sinh trình độ cao đẳng có thể làm việc ở các bệnh viện, các cơ sở chăm sóc sức khỏe từ Trung ương tới cơ sở và các cơ sở giáo dục y tế chuyên ngành Sản phụ khoa.

- Có thể tiếp tục học liên thông lên đại học.

## 2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

- |  |                                |
|--|--------------------------------|
| - Số lượng môn học:  | <b>34</b> môn                  |
| - Khối lượng kiến thức toàn khóa học:  | <b>109</b> tín chỉ (2.830 giờ) |
| - Khối lượng các môn học chung:  | <b>435</b> giờ                 |
| - Khối lượng các môn học chuyên môn:   | <b>2.215</b> giờ               |
| + Lý thuyết:   | 619 giờ                        |
| + TH, TL, TTBV, TTCS:  | 1.555 giờ                      |
| + Thi/Kiểm tra:  | 41 giờ                         |
| - Ôn thi và thi Tốt nghiệp:  | <b>180</b> giờ                 |
| - Thời gian khóa học:  | 3 năm (6 học kỳ)               |
| - Sau khi tốt nghiệp, người học được Hiệu trưởng nhà trường cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng danh hiệu <b>Cử nhân thực hành Hộ sinh.</b> |                                |

**3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH: HỘ SINH**

Số TT	Mã MH	TÊN MÔN HỌC	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					LT	TH	Thi/KT
<b>I. Các môn học chung (21 tín chỉ)</b>							
1	MH 1	Chính trị	4	75	41	29	5
2	MH 2	Giáo dục Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MH 3	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	6	120	42	72	6
4	MH 4	Tin học	3	75	15	58	2
5	MH 5	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
6	MH 6	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	4	75	36	35	4
<b>Cộng</b>			<b>21</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
<b>II. Các môn học chuyên môn (85 tín chỉ)</b>							
<b>II.1. Môn học cơ sở (34 tín chỉ)</b>							
1	MH 7	Xác suất, thống kê y học	2	45	14	30	1
2	MH 8	Sinh học và Di truyền	2	45	14	30	1
3	MH 9	Hóa học	2	30	29	0	1
4	MH 10	Giải phẫu - Sinh lý	4	90	29	58	3
5	MH 11	Hóa sinh	3	45	43		2
6	MH 12	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	45	14	30	1
7	MH 13	Sinh lý bệnh	2	45	14	30	1
8	MH 14	Dược lý	2	30	29		1
9	MH 15a	Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng	4	90	29	58	3
10	MH 16	Sức khỏe - Môi trường – Vệ sinh - Nâng cao SK & hành vi con người	2	30	29	0	1
11	MH 17	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	45	14	30	1
12	MH 18	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	30	29	0	1
13	MH 19	Y đức - Quản lý - Tổ chức Y tế	3	45	43	0	2
14	MH 20	Y học cổ truyền	2	45	14	30	1
<b>Cộng</b>			<b>34</b>	<b>660</b>	<b>344</b>	<b>296</b>	<b>20</b>

Số TT	Mã MH	TÊN MÔN HỌC	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					LT	TH	Thi/ KT
<b>II.2. Môn học chuyên môn (48 tín chỉ)</b>							
1	MH 21	Giao tiếp, giáo dục sức khỏe	2	45	14	30	1
2	MH 22	Kiểm soát nhiễm khuẩn và An toàn người bệnh.	2	30	29	0	1
3	MH 23	Giải phẫu–Sinh lý chuyên ngành	2	45	14	30	1
4	MH 24a	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	2	45	14	30	1
5	MH 25a	Chăm sóc thai nghén	2	45	15	28	2
6	MH 26a	Chăm sóc chuyển dạ, đẻ thường và đẻ khó	4	90	29	58	3
7	MH 27a	Chăm sóc sau đẻ - Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	3	60	29	29	2
8	MH 28a	Chăm sóc sơ sinh và trẻ dưới 5 tuổi	3	60	29	28	3
9	MH 29a	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng - Quản lý Hộ sinh	2	30	29		1
10	MH 30a	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	2	45	14	30	1
11	MH 31a	Chăm sóc người bệnh Nội, Nhiễm – Ngoại khoa	2	30	29	0	1
12	MH 32	Thực hành nghiên cứu khoa học	2	45	15	28	2
<b>• Thực tập bệnh viện</b>							
1	MH 15b	Điều dưỡng cơ bản và Kỹ thuật điều dưỡng	2	80		80	
2	MH 24b	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	2	80		80	
3	MH 25b	Chăm sóc thai nghén	2	80		80	
4	MH 26b	Chăm sóc chuyển dạ, đẻ thường và đẻ khó	2	160		160	
5	MH 27b	Chăm sóc sau đẻ - Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	2	80		80	

Số TT	Mã MH	TÊN MÔN HỌC	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					LT	TH	Thi/ KT
6	MH 28b	Chăm sóc sơ sinh và trẻ dưới 5 tuổi	2	80		80	
7	MH 29b	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng - Quản lý Hộ sinh	1	40		40	
8	MH 30b	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	1	80		80	
9	MH 31b	Chăm sóc người bệnh Nội, Nhiễm – Ngoại khoa	1	40		40	
10	MH 33	Thực tế tốt nghiệp	4	180		180	
<b>II.3. Môn học tự chọn (3 tín chỉ)</b>							
1	MH 34a	<b>Chọn 01 trong 02 môn sau:</b> 1. Hộ sinh quốc tế 2. Phá thai an toàn và toàn diện	2	45	15	28	2
<b>• Thực tập bệnh viện</b>							
1	MH 34b	1. Hộ sinh quốc tế 2. Phá thai an toàn và toàn diện	1	40		40	
<b>Cộng</b>			<b>84</b>	<b>2.215</b>	<b>619</b>	<b>1.555</b>	<b>41</b>
<b>III. Ôn thi và thi tốt nghiệp (làm khóa luận hoặc thi Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp và thi Thực hành tay nghề)</b>							
			<b>4</b>	<b>180</b>		<b>180</b>	
<b>Tổng cộng (I + II + III)</b>			<b>109</b>	<b>2.830</b>	<b>776</b>	<b>1.990</b>	<b>64</b>
<b>Tỷ lệ % LT - TH</b>					<b>27,4</b>	<b>70,3</b>	<b>2,3</b>

**Ghi Chú:** LT: Lý thuyết

TH: Thực hành/thí nghiệm/thảo luận/thực tập cơ sở/bệnh viện.

#### 4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

Chương trình đào tạo Cao đẳng Hộ sinh dựa trên thông tư số 54/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ LĐ-TB và XH Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp

trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe và dịch vụ xã hội và QĐ số 151/QĐ-CĐYT ngày 28/9/2020 của Trường Cao đẳng Y tế An Giang về việc ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật, bổ sung các ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Dược hệ cao đẳng chính quy. Chương trình gồm 34 môn học và khối lượng kiến thức toàn khóa học là 109 tín chỉ. Phân bố số giờ học theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 và công văn số 106/TCDN-DNCQ ngày 19/01/2017 của Tổng cục dạy nghề, cụ thể như sau:

- 1 giờ học lý thuyết = 45 phút
- 1 giờ học thực hành, tích hợp = 60 phút
- 1 tín chỉ lý thuyết = 15 giờ
- 1 tín chỉ thực hành (tại P.thực hành, P. tiền lâm sàng, thảo luận, ...) = 30 giờ
- 1 tín chỉ thực tập bệnh viện = 45 giờ

Việc tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học được thực hiện theo điều 12 thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Việc tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ do giảng viên trực tiếp giảng dạy và trưởng Khoa chịu trách nhiệm từ việc biên soạn, duyệt đề, in ấn, hình thức kiểm tra và tổ chức kiểm tra, chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả đánh giá.

Việc thi kết thúc môn học tập trung học kỳ, Phòng Khảo thí – KĐCL chịu trách nhiệm chính từ khâu tập hợp đề, duyệt đề, in ấn, tổ chức và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá môn học, kết quả học kỳ, toàn khóa theo quy định của trường.

Thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Đối với đào tạo theo niên chế:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề và có đủ điều kiện theo điều 24 thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3

năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về về tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

**\* Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp, gồm các môn sau:**

- ✓ Giải phẫu - sinh lý chuyên ngành : 10%
- ✓ Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học : 10%
- ✓ Chăm sóc thai nghén : 15%
- ✓ Chăm sóc chuyên da, đẻ thường và đẻ khó : 25%
- ✓ Chăm sóc sau đẻ, Dân số kế hoạch hóa gia đình : 15%
- ✓ Chăm sóc sơ sinh và chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi : 15%
- ✓ Chăm sóc hộ sinh nâng cao : 10%

**\* Thực hành nghề nghiệp:**

- ✓ Nội dung thi: Thăm khám chẩn đoán, đưa ra hướng xử trí và lập kế hoạch chăm sóc một bệnh nhân, hoặc sản phụ.
- ✓ Hình thức thi: Sinh viên lập kế hoạch chăm sóc trên bệnh nhân cụ thể, thực hiện kỹ thuật chăm sóc chuyên ngành trên bệnh nhân và trả lời các câu hỏi trước Hội đồng.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo điều 26, 27 thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về về tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, và theo quy định của trường (Quyết định số 186/QĐ-CDYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng CDYT-AG về việc ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp cao đẳng của trường Cao đẳng Y tế An Giang).

Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện, bao gồm các tín chỉ bắt buộc và các tín chỉ tự chọn, ôn thi và thi tốt nghiệp.

Phòng Đào tạo, giám sát và theo dõi quá trình thực hiện chương trình, Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học chủ động bố trí và điều hành việc thực hiện các môn học theo đúng phân bố kế hoạch của các học kỳ; đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình căn cứ vào kế hoạch toàn khóa và kế hoạch giảng dạy hàng năm, có thể áp dụng phương pháp mới như lồng ghép, cấu trúc chương trình theo khối thời gian (Block)... theo chương trình đã được duyệt.

Phòng đào tạo và Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật y học có nhiệm vụ phối hợp thực hiện chương trình theo mục tiêu đào tạo.

Sau mỗi khóa học, Khoa phải lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực điều dưỡng do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh Chương trình chi tiết môn học./.